| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**TỈNH BÌNH DƯƠNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 33/2025/KDTM-PT
Ngày 27-5-2025
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đào Minh Đa.

*Các Thẩm phán:* Ông Phan Trí Dũng;

Bà Trần Thị Thắm.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Hồng Xuân – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Thành Nhân - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 10/2025/TLPT-KDTM ngày 08 tháng 4 năm 2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

Do Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 05/2025/KDTM-ST ngày 23 tháng 01 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 20/2025/QĐXXPT-KDTM ngày 21 tháng 4 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 38/2025/QĐ-PT ngày 09 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại Cổ phần C; địa chỉ: số A, T, phường C, quận H, Thành phố Hà Nội; địa chỉ liên hệ: số G, H, phường N, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:* Bà Hoàng Thị Mai H, sinh năm 1977 hoặc ông Đỗ Quốc T; cùng địa chỉ liên hệ: số G, H, phường N, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (Văn bản ủy quyền số 12/UQ-CNTPHCM-TH ngày 05/7/2024), có mặt.

- *Bị đơn:* Công ty Cổ phần Đ; địa chỉ: số B, N, khu phố N, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

*Người đại diện hợp pháp của bị đơn:* Ông Đỗ Mạnh D, sinh năm 1990; địa chỉ: số A, đường A, khu phố B, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (Văn bản ủy quyền ngày 18/02/2025), có mặt.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:* Ông Mai Lâm P – Luật sư của Công ty L thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1985 và bà Phùng Thị M, sinh năm 1986; cùng địa chỉ: số B, N, khu phố N, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

*Người đại diện hợp pháp của ông Nguyễn Văn B và bà Phùng Thị M:* Ông Nguyễn Trọng T1, sinh năm 1985; địa chỉ: số B, Đ, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh hoặc ông Đỗ Mạnh D, sinh năm 1990; địa chỉ: số A, đường A, khu phố B, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (Văn bản ủy quyền ngày 28/4/2025), có mặt.

- *Người kháng cáo*: bị đơn Công ty Cổ phần Đ.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*- Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:*

Ngày 26/6/2023, giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần C - Chi nhánh Thành phố H (viết tắt là V) với Công ty Cổ Phần Đ (tên cũ: Công ty Cổ phần X – viết tắt là Công ty Đ) ký Hợp đồng cho vay hạn mức số 23.50057001/2023-HĐCVHM/NHCT900-XNKAUVI theo đó hạn mức V cho Công ty Đ vay tối đa số tiền 28.000.000.000 đồng; lãi suất vay tại thời điểm ký hợp đồng vay là 9,0%/năm.

Để bảo đảm cho số tiền vay của Công ty Đ, ông Nguyễn Văn B và bà Phùng Thị M ký hợp đồng thế chấp cho V:

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền đất thuộc thửa đất số 298, tờ bản đồ số 12 tọa lạc tại ấp L, xã L, huyện Đ, tỉnh Long An theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ CS01712 do Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh L cấp ngày 13/7/2018, cập nhật biến động lần cuối ngày 08/02/2023.

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 299, tờ bản đồ số 12 tọa lạc tại ấp L, xã L, huyện Đ, tỉnh Long An theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ CS02023 do Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh L cấp ngày 03/10/2018, cập nhật biến động lần cuối ngày 08/02/2023.

Hợp đồng thế chấp bất động sản (02 quyền sử dụng đất nêu trên) số 23.50057001/2023/HĐBĐ/NHCT900-CSAV-LA2THUA ngày 16/02/2023 được Văn phòng C1 công chứng ngày 16/02/2023, số công chứng: 936, quyển số 02/2023TP/CC-SCC/HĐGD và Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp bất động sản số 23.50057001/2023/HĐBĐ/NHCT900-CSAV-LA2THUA-SĐBS1

ngày 21/4/2023 được Văn phòng C1 công chứng ngày 21/4/2023, số công chứng 2870, quyển số 04/2023TP/CC-SCC/HĐGD.

Thực hiện hợp đồng vay, từ ngày 23/10/2023 đến 22/11/2023, V đã giải ngân cho Công ty Đ số tiền vay tổng cộng là 27.985.800.770 đồng (hai mươi bảy tỷ chín trăm tám mươi lăm triệu tám trăm nghìn bảy trăm bảy mươi đồng) theo các Giấy nhận nợ từ số 01 đến số 14 bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản của Công ty Đ.

Bắt đầu từ tháng 01 năm 2024 đến nay, Công ty Đ không thanh toán tiền lãi và và gốc (đã đến hạn) cho V; vi phạm nghĩa vụ theo hợp đồng. Do đó, V khởi kiện và yêu cầu Công ty Đ phải thanh toán cho V số tiền tạm tính đến ngày 23/01/2025 là 31.758.856.985 đồng (ba mươi mốt tỷ bảy trăm năm mươi tám triệu tám trăm năm mươi sáu nghìn chín trăm tám mươi lăm đồng), trong đó:

+ Nợ gốc quá hạn: 27.985.800.770 đồng.

+ Nợ lãi: 3.773.056.215 đồng; trong đó lãi trong hạn là 2.722.663.063 đồng, lãi quá hạn là 907.151.837 đồng; lãi chậm trả lãi là 143.241.315 đồng.

Trường hợp Công ty Đ không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì V được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý, phát mãi toàn bộ tài sản thế chấp là thửa đất số 298 và số 299 theo hợp đồng thế chấp đã nêu ở trên để thu hồi nợ.

- *Bị đơn Công ty Cổ Phần Đ:*

Tòa án đã triệu tập hợp lệ người đại diện hợp pháp của bị đơn Công ty Đ để cung cấp bản tự khai; tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 20/12/2024; tham gia phiên tòa vào ngày 07/01/2025 và ngày 23/01/2025 nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do, không có ý kiến bằng văn bản đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

*- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn B và bà Phùng Thị M:*

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 15/11/2024, bà M trình bày: bà đã ủy quyền cho ông B toàn quyền quyết định đối với tài sản thế chấp cho V, bà không còn quyền lợi và ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của V. Ông B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa, không có ý kiến bằng văn bản đối với yêu cầu khởi kiện của V.

Tại Bản án kinh doanh thương mại số 05/2025/KDTM-ST ngày 23 tháng 01 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần C về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" với bị đơn Công ty Cổ phần Đ.

1.1. Buộc Công ty Cổ phần Đ thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần C số tiền nợ phát sinh từ Hợp đồng cho vay hạn mức số 23.50057001/2023-HĐCVHM/NHCT900-XNKAUVI ký ngày 26/6/2023 giữa Ngân hàng Thương

mại Cổ phần C - Chi nhánh Thành phố H với Công ty Cổ phần Đ (tên cũ: Công ty Cổ phần X) là 31.758.856.985 đồng (ba mươi mốt tỷ bảy trăm năm mươi tám triệu tám trăm năm mươi sáu nghìn chín trăm tám mươi lăm đồng), trong đó: nợ gốc quá hạn là 27.985.800.770 đồng (hai mươi bảy tỷ chín trăm tám mươi lăm triệu tám trăm nghìn bảy trăm bảy mươi đồng); nợ lãi là 3.773.056.215 đồng (ba tỷ bảy trăm bảy mươi ba triệu không trăm năm mươi sáu nghìn hai trăm mười lăm đồng) gồm: lãi trên dư nợ gốc trong hạn 2.722.663.063 đồng (hai tỷ bảy trăm hai mươi hai triệu sáu trăm sáu mươi ba nghìn không trăm sáu mươi ba đồng), lãi trên dư nợ gốc quá hạn 907.151.837 đồng (chín trăm lẻ bảy triệu một trăm năm mươi mốt nghìn tám trăm ba mươi bảy đồng); lãi chậm trả lãi 143.241.315 đồng (một trăm bốn mươi ba triệu hai trăm bốn mươi mốt nghìn ba trăm mười lăm đồng).

1.2. Tiền lãi được tiếp tục tính kể từ 24/01/2025 theo quy định tại Điều 2 của Hợp đồng cho vay hạn mức số 23.50057001/2023-HĐCVHM/NHCT900-XNKAUVI ký ngày 26/6/2023 giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần C – Chi nhánh Thành phố H với Công ty Cổ phần X (nay là Công ty Cổ phần Đ).

1.3. Sau khi Ngân hàng Thương mại Cổ phần C - Chi nhánh Thành phố H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu Công ty Cổ phần Đ không thanh toán số tiền trên thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần C - Chi nhánh Thành phố H được quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án phát mãi tài sản mà ông Nguyễn Văn B và bà Phùng Thị M đã thế chấp để bảo đảm nợ vay theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 23.50057001/2023/HĐBĐ/NHCT900-CSAV-LA2THUA được Văn phòng C1, quyển số 02/2023TP/CC-SCC/HĐGD ngày 16/02/2023 và Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp bất động sản số 23.50057001/2023/HĐBĐ/NHCT900-CSAV-LA2THUA-SĐBS1 được Văn phòng C1, quyển số 04/2023TP/CC-SCC/HĐGD ngày 21/4/2023.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo cho các bên đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 12/02/2025, bị đơn Công ty Cổ phần Đ kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn Công ty Cổ phần Đ là ông Đỗ Mạnh D vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và thống nhất ý kiến do người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày.

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn Công ty Đ trình bày:* thống nhất ý kiến của nguyên đơn về số tiền gốc bị đơn vay và số tiền bị đơn còn nợ chưa trả cho nguyên đơn, không thống nhất về số tiền lãi; tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp đang giải quyết trong vụ án do ông Nguyễn Văn B, bà Phùng Thị M là người đứng tên giùm cho bà Lê Thị Bích H1 (theo Văn bản cam kết ngày

05/02/2025) nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không đưa bà H1 vào tham gia tố tụng cũng như không đưa Công ty TNHH C2 vào tham gia tố tụng. Ngoài ra, hợp đồng vay thế chấp tài sản thể hiện một tài sản thế chấp cho hai hợp đồng tín dụng của V, hiện nay còn một vụ án V khởi kiện đang được Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương giải quyết có liên quan đến tài sản thế chấp đang được giải quyết trong vụ án này. Do đó, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm tuyên hủy bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng tại Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Bị đơn Công ty Cổ phần Đ kháng cáo nhưng không cung cấp bất kỳ chứng cứ nào khác để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên;

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Bị đơn, người đại diện hợp pháp của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án đã được Tòa án cấp sơ thẩm tống đạt giấy triệu tập tham gia phiên tòa vào ngày 07/01/2025 và ngày 23/01/2025 nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử vắng bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là đúng quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.2] Tòa án cấp sơ thẩm tống đạt bản án sơ thẩm cho bị đơn ngày 05/02/2025 và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (ông Nguyễn Văn B, bà Phùng Thị M) ngày 06/02/2025; ngày 12/02/2025, bị đơn kháng cáo là còn trong thời hạn luật định.

[1.3] Tài sản thế chấp là thửa đất số 298, 299 tọa lạc tại ấp L, xã L, huyện Đ, tỉnh Long An do ông Nguyễn Văn B, bà Phùng Thị M đứng tên quyền sử dụng đất; bản án sơ thẩm tuyên phát mãi tài sản thế chấp trong trường hợp bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, ông Nguyễn Văn B, bà Phùng Thị M không kháng cáo nên theo quy định tại khoản 2 Điều 282, Điều 293 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì phần quyết định này của bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật theo quy định chung và không được xem xét tại phiên tòa phúc thẩm.

[1.4] Tài sản thế chấp là của ông Nguyễn Văn B và bà Phùng Thị M, không phải của bị đơn Công ty Đ; người đại diện hợp pháp của bị đơn trình bày nội dung kháng cáo phần nội dung này của bản án sơ thẩm là không đúng pháp luật.

[2] Nội dung vụ án:

V chứng minh bị đơn Công ty Đ (tên cũ: Công ty Cổ phần X) ký Hợp đồng cho vay hạn mức số 23.50057001/2023-HĐCVHM/NHCT900-XNKAUVI ngày 26/6/2023 và các chứng từ giải ngân tiền vay theo các Giấy nhận nợ: số 01 ngày 23/10/2023, số 02 ngày 24/10/2023, số 03 ngày 25/10/2023, số 04 ngày 30/10/2023, số 05 ngày 31/10/2023, số 06 ngày 01/11/2023, số 07 ngày 02/11/2023, số 08 ngày 07/11/2023, số 09 ngày 08/11/2023, số 10 ngày 09/11/2023, số 11 ngày 13/11/2023, số 12 ngày 17/11/2023, số 13 ngày 21/11/2023, số 14 ngày 22/11/2023; tổng số tiền vay gốc là 27.985.800.770 đồng (hai mươi bảy tỷ chín trăm tám mươi lăm triệu tám trăm nghìn bảy trăm bảy mươi đồng).

Người đại diện hợp pháp của bị đơn thừa nhận số tiền gốc bị đơn đã vay và trình bày số tiền lãi nguyên đơn tính chưa đúng. Tuy nhiên, bị đơn không đưa ra cách tính, phương pháp tính và số tiền lãi trên số nợ gốc để làm căn cứ đối chiếu số tiền lãi mà nguyên đơn đã tính toán. Do đó, xem như bị đơn đã từ chối nghĩa vụ chứng minh cho quyền lợi của mình. Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn tiền vay gốc là 27.985.800.770 đồng; lãi trong hạn 2.722.663.063 đồng, lãi quá hạn 907.151.837 đồng, lãi chậm trả lãi 143.241.315 đồng; tổng cộng số tiền bị đơn phải trả 31.758.856.985 đồng là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Bị đơn kháng cáo nhưng không có chứng cứ gì mới để chứng minh cho quyền lợi của mình nên không được chấp nhận.

[4] Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn là không phù hợp.

[5] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tại phiên tòa là có căn cứ, đúng pháp luật.

[6] Về án phí kinh doanh, thương mại phúc thẩm: Do giữ nguyên bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm nên người kháng cáo phải chịu.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 148, các Điều 227, 228, 293, 296, khoản 2 Điều 282, Điều 293, khoản 1 Điều 308 và Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

I. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty Cổ phần Đ.

II. Giữ nguyên Bản án kinh doanh thương mại số 05/2025/KDTM-ST ngày 23 tháng 01 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương như sau:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần C về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" với bị đơn Công ty Cổ phần Đ.

1.1. Buộc Công ty Cổ phần Đ thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần C số tiền nợ phát sinh từ Hợp đồng cho vay hạn mức số 23.50057001/2023-HĐCVHM/NHCT900-XNKAUVI ngày 26/6/2023 giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần C - Chi nhánh Thành phố H với Công ty Cổ phần Đ (tên cũ: Công ty Cổ phần X) là 31.758.856.985 đồng (ba mươi mốt tỷ bảy trăm năm mươi tám triệu tám trăm năm mươi sáu nghìn chín trăm tám mươi lăm đồng), trong đó: nợ gốc quá hạn là 27.985.800.770 đồng (hai mươi bảy tỷ chín trăm tám mươi lăm triệu tám trăm nghìn bảy trăm bảy mươi đồng); nợ lãi là 3.773.056.215 đồng (ba tỷ bảy trăm bảy mươi ba triệu không trăm năm mươi sáu nghìn hai trăm mười lăm đồng) gồm: lãi trên dư nợ gốc trong hạn 2.722.663.063 đồng (hai tỷ bảy trăm hai mươi hai triệu sáu trăm sáu mươi ba nghìn không trăm sáu mươi ba đồng), lãi trên dư nợ gốc quá hạn 907.151.837 đồng (chín trăm lẻ bảy triệu một trăm năm mươi mốt nghìn tám trăm ba mươi bảy đồng); lãi chậm trả lãi 143.241.315 đồng (một trăm bốn mươi ba triệu hai trăm bốn mươi mốt nghìn ba trăm mười lăm đồng).

1.2. Tiền lãi được tiếp tục tính kể từ 24/01/2025 theo quy định tại Điều 2 của Hợp đồng cho vay hạn mức số 23.50057001/2023-HĐCVHM/NHCT900-XNKAUVI ngày 26/6/2023 giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần C – Chi nhánh Thành phố H với Công ty Cổ phần X (nay là Công ty Cổ phần Đ).

III. Phần Bản án kinh doanh thương mại số 05/2025/KDTM-ST ngày 23 tháng 01 năm 2025 không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, bao gồm:

Trường hợp Công ty Cổ phần Đ không thanh toán số tiền trên thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần C - Chi nhánh Thành phố H có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản của ông Nguyễn Văn B, bà Phùng Thị M để thu hồi nợ theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 23.50057001/2023/HĐBĐ/NHCT900-CSAV-LA2THUA được Văn phòng C1, quyển số 02/2023TP/CC-SCC/HĐGD ngày 16/02/2023 và Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp bất động sản số 23.50057001/2023/HĐBĐ/NHCT900-CSAV-LA2THUA-SĐBS1 được Văn phòng C1, quyển số 04/2023TP/CC-SCC/HĐGD ngày 21/4/2023.

2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty Cổ phần Đ phải chịu số tiền án phí là 139.758.857 đồng (một trăm ba mươi chín triệu bảy trăm năm mươi tám nghìn tám trăm năm mươi bảy đồng).

Trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần C toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 69.144.490 đồng (sáu mươi chín triệu một trăm bốn mươi bốn nghìn bốn trăm chín mươi đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001652 ngày 01 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố D, tỉnh Bình Dương (do bà Hoàng Thị Mai H nộp thay).

3. Chi phí tố tụng:

Buộc Công ty Cổ phần Đ phải trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần C số tiền chi phí tố tụng là 5.000.000 đồng (năm triệu đồng).

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

IV. Về án phí kinh doanh, thương mại phúc thẩm:

Bị đơn Công ty Cổ phần Đ phải chịu số tiền 2.000.000 đồng (hai triệu đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007815 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố D, tỉnh Bình Dương (do ông Đỗ Mạnh D nộp thay).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS thành phố D;
- TAND thành phố D;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu Hồ sơ, Tổ hành chính tư pháp;
- Tòa KT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký)*

**Đào Minh Đa**